

Điểm nhấn



Hàng tồn kho thép tại Trung Quốc đã gia tăng trở lại (Nguồn: SMM)

- Khí tự nhiên (+5,8% DoD):** Giá khí tự nhiên tăng mạnh lên mốc 2,7 USD/MMBtu, cao nhất trong vòng hai tuần đổ lại. Câu chuyện vẫn xoay quanh tình trạng thời tiết nóng bức ở nhiều bang tại Mỹ, đẩy mạnh tiêu thụ điện cho điều hòa không khí. Trong khi đó, lượng khí LNG tại các nhà máy xuất khẩu khí tại Mỹ đang sụt giảm trong giai đoạn gần đây khi sản lượng khí sản xuất tại Louisiana suy giảm.
- Than (+3,7% DoD):** Giá than tăng 3,7% với động lực chính tới từ Trung Quốc khi tiêu thụ điện bước vào giai đoạn cao điểm từ tháng 6, vốn dĩ là mùa hè. Ngoài ra các chính sách kích thích kinh tế liên tục được ban hành cũng góp phần tạo tâm lý lạc quan hơn đối với tiêu thụ thị trường than.
- Quặng sắt (-2,3% DoD):** Giá dầu quặng sắt tiếp tục sụt giảm khi hàng tồn kho thép tại Trung Quốc bắt đầu gia tăng trở lại, cùng với các tác động về tâm lý trên thị trường khi chỉ số PMI công bố vào đầu tháng cho thấy nền kinh tế Trung Quốc vẫn tương đối ảm đạm

Ngành chú ý & đánh giá của Wetrade

Hàng hóa	Trend hàng hóa	Ngành đáng chú ý	Xu hướng giá cổ phiếu của ngành	Cổ phiếu đáng chú ý	Wetrade Ratings
Quặng sắt	Suy yếu	Tài nguyên cơ bản	Suy yếu	HPG	B
				HSG	B
				NKG	B
Than	Suy yếu	Điện nước & Xăng dầu khí đốt	Giảm mạnh	POW	D
				QTP	C
				HND	D
Khí tự nhiên	Suy yếu	Điện nước & Xăng dầu khí đốt	Giảm mạnh	DPM	D
				DCM	C

Truy cập wetrade.dsc.com.vn để theo dõi hệ thống xếp hạng cổ phiếu

Chỉ số vĩ mô & thị trường chứng khoán & thị trường hàng hóa

CHỈ SỐ VĨ MÔ															
▲	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M	▲	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
	Dollar Index	102.09	▲ 0,1%	Hồi phục	▲ 0,9%	▼ -1,3%			Baltic Dirty Index	800.00	▲ 0,0%	Suy yếu	▼ -25,4%	▼ -34,3%	
	S&P 500	4,518	▲ 0,9%	Hồi phục	▲ 9,2%	▲ 8,5%			Baltic Dry Index	1,145	▲ 0,8%	Suy yếu	▼ -26,5%	▲ 90,5%	
	US 10Y	4.09	▲ 1,2%	Hồi phục	▲ 18,6%	▲ 11,3%			BCOM index	105.76	▼ -0,2%	Hồi phục	▲ 2,7%	▼ -2,2%	
	VNIndex	1,241	▲ 1,2%	Tăng mạnh	▲ 19,3%	▲ 16,4%									

GIÁ HÀNG HÓA

NĂNG LƯỢNG							NÔNG NGHIỆP						
Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Dầu Brent	85.34	▼ -1,0%	Hồi phục	▲ 13,3%	▲ 2,4%		Bông	86.38	▲ 1,3%	Hồi phục	▲ 3,0%	▲ 0,0%	
Dầu WTI	81.94	▼ -1,1%	Hồi phục	▲ 14,9%	▲ 5,6%		Cao Su	127.70	▼ -0,3%	Suy yếu	▼ -6,1%	▼ -8,6%	
Khí tự nhiên	2.73	▲ 5,8%	Suy yếu	▲ 27,5%	▲ 2,5%		Đường	23.74	▲ 0,2%	Suy yếu	▼ -9,8%	▲ 13,9%	
Than	141.10	▲ 3,7%	Suy yếu	▼ -16,8%	▼ -44,8%		Gạo	15.92	▼ -0,2%	Hồi phục	▼ -11,3%	▼ -10,5%	
							Heo hơi	59.30	▼ -0,2%	Hồi phục	▲ 13,0%	▲ 13,0%	
							Ngô	482.25	▼ -0,4%	Suy yếu	▼ -26,2%	▼ -28,3%	

KIM LOẠI							CÔNG NGHIỆP						
Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Quặng Sắt	104.00	▼ -2,3%	Suy yếu	▲ 4,5%	▼ -16,5%		Nhôm	2,230	▼ -0,1%	Suy yếu	▼ -3,8%	▼ -11,7%	
Thép	3,646	▼ -0,8%	Suy yếu	▲ 2,6%	▼ -8,4%		Urea	415.00	▲ 0,0%	Hồi phục	▲ 16,1%	▲ 9,2%	
Thép HRC	561.00	▲ 0,0%	Suy yếu	▼ -1,2%	▼ -10,0%								
Vàng	1,936	▼ -0,3%	Hồi phục	▼ -4,0%	▲ 3,3%								

Lựa chọn hàng đầu



Biểu đồ giá của DPM (theo ngày)

Cổ phiếu CTCP Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – HSX

Xu hướng kỹ thuật Sau khi vượt qua áp lực cản bán nổi dài từ đỉnh T4.2022, cổ phiếu DPM ghi nhận đà tăng liên tiếp trong 2 tháng gần đây. Diễn biến giá tức tức tăng điểm, bám trên đường tín hiệu ma10, xu hướng này kỳ vọng tiếp diễn trong ngắn hạn. Song, động lượng tăng đã có phần chậm lại khi cổ phiếu tăng từ đây lên hơn 25%.

Tín hiệu kỹ thuật: Chỉ báo RSI tiến vào ngưỡng “quá mua”, và chỉ báo MACD phân kỳ dần cho tín hiệu đảo chiều. Do đó, cổ phiếu DPM có thể hình thành nhịp tích lũy đi ngang hoặc điều chỉnh để các chỉ báo kỹ thuật cân bằng trở lại, kỳ vọng hình thành nền giao dịch quanh giá 39-40.

- Khuyến nghị**
- Điểm bán ưu tiên: giá 40.5
 - Điểm quản trị rủi ro: giá 38.5

HẠ TỶ TRỌNG **Chiến lược mua:** Xu hướng tích cực mở rộng khi DPM vượt cản 40.5, nhưng chúng tôi kỳ vọng trước đó DPM cần có nhịp tích lũy cân bằng trở lại. Do đó, khi quán tính xu hướng tăng tiếp diễn, NĐT chủ động chốt lời quanh nền giá 40.

Thời gian giao dịch kỳ vọng 3-4 tuần

Điểm DSC		
Tăng trưởng	Giá trị	Đà tăng
D	D	C
Hành động		
Điểm bán		40.5
Cắt lỗ		38.5
Chỉ báo		Đánh giá
MA		Tích lũy
RSI		Tích lũy
MACD		Phân kỳ
Mục tiêu		
Hỗ trợ (1)		38.5
Hỗ trợ (2)		36.5
Kháng cự (1)		40.5
Kháng cự (2)		43.5

Ảnh hưởng của hàng hóa tới các ngành

Chú thích: (*) Ảnh hưởng nhẹ (**) Ảnh hưởng trung bình (***) Ảnh hưởng mạnh

Hàng hóa	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
Dầu thô WTI Dầu thô Brent	Dầu khí (***) Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***) Thực phẩm và đồ uống (Đường mía)(*)	Hàng & Dịch vụ công nghiệp (*); Du lịch và giải trí (Hàng không), Hóa chất (Nhựa đường)(**); Ô tô và phụ tùng (*); Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (*)
Khí tự nhiên	Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***)	Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện khí) (***) Hóa chất (Phân bón) (**)
Than	Than và nhiên liệu tiêu hao (***)	Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện than) (***) Hóa chất (Phân bón) (**); Tài nguyên cơ bản (**)
Vàng	Hàng cá nhân & Gia dụng (**)	-
Thép Thép HRC	Tài nguyên cơ bản (***)	Xây dựng và vật liệu (**)
Quặng sắt	-	Tài nguyên cơ bản (Thép) (***)
Cao su	Hóa chất (***)	Ô tô và phụ tùng (***)
Gạo	Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (**)	Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (**)
Đường	Thực phẩm và đồ uống (Đường mía) (***)	-
Bông	Hàng cá nhân & Gia dụng (ngành sợi) (***)	Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (**)
Lúa mì	-	Thực phẩm và đồ uống (Chăn nuôi và Bia) (***)
Heo hơi	Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (***)	-
Cá tra	Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)	-
Tôm	Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)	-
Urea	Hóa chất (phân bón) (***)	Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (*)
Nhôm	Hóa chất (phân bón) (**)	Xây dựng và vật liệu (*)
Phot pho vàng	Hóa chất (**)	Hóa chất (phân bón) (**)

Tích cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động có lợi cho ngành

Tiêu cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động bất lợi cho ngành